



CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH
PHƯƠNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ INTERNET QUA MẠNG TRUYỀN HÌNH CÁP

HD Số:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023;
- Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/6/2023;
- Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ Phát thanh, Truyền hình trả tiền số 545/GP-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông cấp ngày 24/8/2021;
- Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông số 555/GP-CVT do Cục Viễn Thông - Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 10/10/2018;
- Căn cứ khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam và yêu cầu của khách hàng.

Hôm nay, ngày tháng năm, hai Bên gồm có:

Bên cung cấp dịch vụ (Bên A): CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH PHƯƠNG NAM

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ : Số 50, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại : Tổng đài: 19001705; Điện thoại: 02703.853.595; Fax: 0270 3853596.

Website: <https://thpn.vn/>.

Số tài khoản : 117000033977 Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long

Mã số thuế : 1500869181.

Bên sử dụng dịch vụ (Bên B):

Người đại diện Chức vụ: Ngày sinh:

Số CMND/Hộ chiếu/GPKD: Ngày cấp: Tại

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, văn phòng):

Điện thoại : Fax: Email:

Số tài khoản : Tại Ngân hàng:

Mã số thuế :

Cùng nhau thống nhất ký Hợp đồng với các nội dung thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Dịch vụ Internet tốc độ cao qua mạng truyền hình cáp Phương Nam là dịch vụ phát triển dựa trên công nghệ truyền tải dữ liệu trên mạng cáp theo tiêu chuẩn Châu Âu (Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/Tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 34:2022/BTTTT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất, QCVN 87:2020/BTTTT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tín hiệu truyền hình cáp tương tự tại điểm kết nối thuê bao và quy chuẩn kỹ thuật, QCVN 121:2020/BTTTT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truyền hình cáp số ứng dụng công nghệ DVB-T2).

1.1 Bên A cung cấp dịch vụ cho Bên B trong vòng 4 (bốn) giờ làm việc kể từ khi hoàn tất ký kết hợp đồng.

1.2 Địa chỉ lắp đặt:

1.3 Gói dịch vụ:

STT	Loại dịch vụ	Gói dịch vụ	Tốc độ	Ghi chú
1	Internet cáp truyền hình			
2	Internet cáp quang			

ĐIỀU 2: GIÁ CƯỚC VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

- 2.1 Cước thuê bao được tính từ thời điểm hai Bên cùng ký vào Biên bản nghiệm thu bàn giao.
2.2 Thời hạn tính cước là từ ngày 01 (một) hàng tháng đến ngày cuối cùng của tháng đó.
2.3 Bên B thanh toán cho Bên A cước sử dụng dịch vụ hàng tháng, giá cước do hai bên thỏa thuận và điền đầy đủ thông tin chi tiết khi ký kết hợp đồng:

STT	Gói dịch vụ	Cước thuê bao/tháng (VND) (đã bao gồm VAT)
1	Internet cáp truyền hình	
2	Internet cáp quang	
3		
Tổng cộng		
Bảng chữ:		

- 2.4 Ngoài chi phí giá cước dịch vụ hàng tháng, tại thời điểm lắp đặt, Bên B thanh toán cho Bên A phí hòa mạng, chi phí lắp đặt, chi phí thiết bị theo chính sách kinh doanh của Bên A và được hai Bên thỏa thuận, thống nhất. Việc thanh toán được thực hiện ngay sau khi Bên A hoàn thành việc đấu nối tín hiệu và xuất phiếu thu hoặc hóa đơn cho Bên B theo Biên bản nghiệm thu và bàn giao. Các chi phí này không được hoàn lại cho Bên B khi Bên A đã thực hiện xong phần đấu nối hòa mạng dịch vụ nếu Bên B có lỗi.
- 2.5 Giá cước dịch vụ, phí hòa mạng, chi phí lắp đặt, giá thiết bị được niêm yết công khai trên website <https://thpn.vn/> và tại các phòng giao dịch của Bên A.
- 2.6 Trong trường hợp thay đổi giá cước, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước ngày áp dụng tối thiểu 15 (mười lăm) ngày bằng một trong những cách thức sau: Trực tiếp, bằng văn bản, fax, email và trên website chính thức của Bên A. Giá cước mới sẽ được áp dụng cho Bên B nếu Bên A không nhận được phản hồi của Bên B trước ngày áp dụng.

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC, CÁCH THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Bên B chọn một trong các cách thức thanh toán cước phí sử dụng dịch vụ sau:
☐ Thanh toán online qua các đối tác thu hộ/trên website.
☐ Thanh toán trực tiếp tại quầy/thanh toán tại nhà.
- 3.2 Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đầu của tháng tính cước, Bên A có trách nhiệm gửi thông báo cước của tháng đó đến địa chỉ mà Bên B đăng ký. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cước, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cước phí cho Bên A. Nếu Bên B không thanh toán đúng hạn, Bên A có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ và đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm 4.1.4 của Hợp đồng này.
- 3.3 Địa chỉ nhận giấy báo cước/thanh toán trực tiếp (nếu có):
- 3.4 Bên A sẽ thông báo cho Bên B được biết để lựa chọn thực hiện khi Bên A áp dụng các hình thức, phương thức thanh toán khác ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi áp dụng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A

4.1 Quyền của Bên A:

- 4.1.1 Được quyền yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ, đúng hạn cước phí dịch vụ, chi phí khác (nếu có) như đã giao kết trong Hợp đồng.
- 4.1.2 Được quyền yêu cầu Bên B cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ ghi trong Hợp đồng.
- 4.1.3 Được quyền kiểm tra việc sử dụng dịch vụ liên quan đến quy định của Nhà nước và theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng này. Trường hợp Bên B sử dụng dịch vụ vào các hoạt động có mục đích gây rối trật tự xã hội, phá hoại an ninh quốc gia hoặc kinh doanh bất hợp pháp thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- 4.1.4 Nếu Bên B vi phạm thời hạn thanh toán, Bên A có quyền tạm ngừng cung cấp tín hiệu sau khi thông báo trước cho Bên B tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc. Quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng cung cấp tín hiệu mà Bên B vẫn không thanh toán, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi thông báo trước cho Bên B tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc. Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho khoảng thời gian hợp đồng trước khi bị tạm ngừng cung cấp tín hiệu.

4.1.5 Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2 Nghĩa vụ của Bên A:

- 4.2.1 Cung cấp dịch vụ đảm bảo chất lượng theo đúng nội dung đã công bố, thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 4.2.2 Đảm bảo bí mật toàn bộ nội dung thông tin, số liệu của Bên B, chỉ được chuyển giao thông tin cho bên thứ ba khi có được sự đồng ý của Bên B trừ các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 4.2.3 Có trách nhiệm khắc phục sự cố, bảo hành, bảo trì trong vòng 04 (bốn) giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo xảy ra sự cố, yêu cầu bảo hành, bảo trì.
- 4.2.4 Giải quyết khiếu nại của Bên B theo thời hạn của quy định pháp luật.
- 4.2.5 Thông báo cho Bên B trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi chính thức thực hiện.
- 4.2.6 Trừ các trường hợp được quy định tại Điều 26 Luật Viễn thông, không được từ chối giao kết hợp đồng đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B. Không tự ý ngừng cung cấp dịch vụ mà không có lý do chính đáng. Trường hợp cần sửa chữa, bảo trì hoặc vì lý do nào khác bắt buộc phải ngừng cung cấp dịch vụ, Bên A phải thông báo trước cho Bên B chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày dừng cung cấp dịch vụ.
- 4.2.7 Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, không được yêu cầu Bên B thanh toán bất kỳ khoản tiền nào trước khi dịch vụ được cung cấp đến Bên B.
- 4.2.8 Thường xuyên kiểm tra chất lượng dịch vụ mình cung cấp, đảm bảo chất lượng dịch vụ như đã cam kết.
- 4.2.9 Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B

5.1 Quyền của Bên B:

- 5.1.1 Được quyền bảo đảm bí mật các thông tin riêng ghi trong hợp đồng và các thông tin khác theo quy định pháp luật.
- 5.1.2 Được quyền yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến chất lượng, điều kiện sử dụng dịch vụ đã ký kết trong Hợp đồng này.
- 5.1.3 Được từ chối sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ đã ký kết trong Hợp đồng này.
- 5.1.4 Khi cần thay đổi tên, địa chỉ thuê bao, chuyển địa điểm, thay đổi gói dịch vụ, tạm ngưng hoặc chuyển quyền sử dụng, Bên B đến phòng giao dịch của Bên A để giải quyết và thực hiện thanh toán đầy đủ các chi phí liên quan đến việc thay đổi này. Việc niêm yết chi phí liên quan trường hợp này được thực hiện theo Khoản 2.5 của Hợp đồng này.
- 5.1.5 Được quyền yêu cầu Bên A xử lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa khi dịch vụ Internet gặp sự cố mất kết nối, giảm tốc độ, chất lượng như cam kết trong Hợp đồng.
- 5.1.6 Được khiếu nại về giá cước, chất lượng dịch vụ; được hoàn trả tiền cước đã thanh toán và bồi thường thiệt hại trực tiếp khác do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian dịch vụ không được cung cấp theo đúng Hợp đồng. Thời hạn khiếu nại về cước là không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được giấy báo cước.
- 5.1.7 Được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet sau khi thông báo cho bên A và yêu cầu bên A cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ Internet cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm. Bên B chỉ phải thanh toán phí, giá cho phần dịch vụ mà mình đã sử dụng.
- 5.1.8 Được quyền yêu cầu doanh nghiệp viễn thông cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông và các dịch vụ giá trị gia tăng đính kèm.
- 5.1.9 Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5.2 Nghĩa vụ của Bên B

- 5.2.1 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí theo quy định của Hợp đồng (kể cả trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại).
- 5.2.2 Bảo vệ thông tin cài đặt dịch vụ của mình, hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để cho thông tin của mình bị người khác sử dụng để cài đặt và thực hiện các hành động vi phạm pháp luật. Chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung thông tin lưu trữ, truy cập và gửi đi trên mạng Internet.
- 5.2.3 Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A kiểm tra, bảo trì, sửa chữa mạng và thuê bao.
- 5.2.4 Trường hợp Bên B có nhu cầu thanh lý hợp đồng, Bên B phải đến văn phòng giao dịch nơi quản lý thuê bao khách hàng Bên B để thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B không được hoàn trả lại phí hòa mạng, chi phí lắp đặt, giá thiết bị và phải thực hiện thanh toán đầy đủ tiền cước dịch vụ đến thời điểm thanh lý hợp đồng. Nếu các thiết bị vẫn thuộc quyền sở hữu của Bên A (Trường hợp Bên A chỉ cho Bên B mượn thiết bị) thì Bên B phải hoàn trả thiết bị lại cho Bên A.

- 5.2.5 Bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của mình gây ra cho Bên A.
- 5.2.6 Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về người sử dụng dịch vụ được ghi trong Hợp đồng.
- 5.2.7 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin truyền, đưa, lưu trữ trên mạng viễn thông.
- 5.2.8 Không được sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông của Bên A để kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- 5.2.9 Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 6: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm các trường hợp sau đây:
 - 6.1.1 Xảy ra tình trạng mất điện của hệ thống cung cấp điện cho các thiết bị liên quan đến việc cung cấp tín hiệu cho khách hàng mà không phải do lỗi của Bên A.
 - 6.1.2 Thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của Nhà nước và các trường hợp khác mà không phải do lỗi của mỗi Bên, khiến cho mỗi Bên không thể thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 6.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến Bên A phải tạm ngừng hoặc cung cấp dịch vụ không đầy đủ theo quy định của Hợp đồng này, Bên A không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ thời điểm phát sinh sự kiện bất khả kháng, Bên A phải thông báo về sự kiện bất khả kháng thông qua một trong những cách thức: trực tiếp, bằng văn bản, fax, email và trên website chính thức của Bên A để Bên B biết và có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng từ sự kiện bất khả kháng.
- 6.3 Trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng nêu tại điểm 6.1.2 mà làm cho Bên B không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn thì Bên B được phép gia hạn thêm thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán tương ứng với khoảng thời gian bị chậm trễ do bất khả kháng.
- 6.4 Nếu sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục được trong vòng 03 (ba) ngày, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi thông báo trước cho Bên còn lại tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước thời điểm dự định chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 7.1 Khi một Bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng được quy định tại Hợp đồng này.
- 7.2 Trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, các Bên phải thanh toán, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ chưa hoàn tất trong khoản thời gian đã thực hiện hợp đồng.
- 7.3 Hợp đồng chấm dứt sau khi hai Bên ký vào Biên bản thanh lý hợp đồng.
- 7.4 Sau khi chấm dứt hiệu lực hợp đồng mà Bên B vẫn không thanh toán đầy đủ tiền cước dịch vụ hoặc không hoàn trả các thiết bị theo quy định tại điểm 5.2.4 của Hợp đồng này, Bên A có quyền khởi kiện Bên B ra tòa án có thẩm quyền hoặc tiến hành các biện pháp thu hồi nợ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1 Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng. Nếu có tranh chấp phát sinh xảy ra, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp không thống nhất được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 8.2 Hợp đồng này bao gồm Hợp đồng chính và các Phụ lục hợp đồng (nếu có). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai Bên có thể thỏa thuận và ký các Phụ lục hợp đồng.
- 8.3 Hợp đồng có hiệu lực ngay sau khi được hai Bên ký, được làm thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Số: 68 /TB-SCT

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

Kính gửi: Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam.

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Sau khi xem xét hồ sơ số 05/240711/0002/TTPVHCC đã nhận ngày 11 tháng 7 năm 2024 (mã hồ sơ: H61.05-240711-0002) của Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam về việc đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Internet qua mạng truyền hình cáp), Sở Công Thương thông báo:

1. Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo mã hồ sơ số H61.05-240711-0002 nêu trên theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam chịu trách nhiệm tuân thủ mẫu đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định của pháp luật có liên quan khi bổ sung các nội dung để trống.

3. Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam được sử dụng các mẫu theo hồ sơ nêu trên để giao dịch với người tiêu dùng kể từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, đề nghị Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam thực hiện thủ tục đăng ký lại theo đúng quy định.

4. Việc hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Thông báo này chỉ có giá trị với bản tiếng Việt đã nộp trong hồ sơ đăng ký và không loại trừ trách nhiệm của Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Sở Công Thương Vĩnh Long thông báo để Công ty TNHH Truyền hình Phương Nam biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TM.



Trần Nhật Thanh